

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 8 - 2023

“*V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kèn

2. Bà Trần Thị Kim Nhung.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Mạnh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 25/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm: 1980; nơi thường trú: tổ 4, khu 3, phường HH, thành phố HL, tỉnh QN; nơi ở hiện nay: số 55, đường ĐBP, phường HH1, thành phố HL, tỉnh QN, có mặt.

2. Bị đơn: chị **Lưu Thị Nh**, sinh năm: 1984; nơi cư trú: tổ 4, khu 3, phường HH, thành phố HL, tỉnh QN, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh và chị Lưu Thị Nh kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương ngày 28/4/2004. Trước khi tiến tới hôn nhân, anh chị có thời gian tìm hiểu

yêu thương nhau là khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trước đó anh B có tình cảm với người khác và không còn tình cảm với vợ nữa. Bản thân anh khi xảy ra sự việc cũng biết mình sai, và đã cố gắng có khoảng thời gian để hai vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hai bên gia đình can thiệp hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, anh chị sống ly thân từ cuối năm 2022. Đến đầu năm 2023, anh đã dọn ra ngoài, không ở cùng vợ con nữa. Đến nay, anh B thấy không còn tình cảm với chị Nh, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn của anh chị là không thể hàn gắn, khắc phục được. Do đó anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lưu Thị Nh.

Về con chung: quá trình chung sống anh chị có 2 con chung là cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 12/7/2006 và Nguyễn Mai P, sinh ngày 12/9/2009. Anh B đồng ý để chị Nh là người trực tiếp nuôi hai con chung Nguyễn Phương A và Nguyễn Mai P đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung: nếu ly hôn anh đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con chung cho chị Nh là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; tổng tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: anh chị thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lưu Thị Nh trình bày: việc chung sống, đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng, thời điểm mâu thuẫn vợ chồng như anh Nguyễn Văn B trình bày là đúng. Từ tháng 6/2022 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên về đòi bỏ vợ. Sau một thời gian nói chuyện chia sẻ nhưng anh B không từ bỏ mối quan hệ bất chính đó. Chị và anh B đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn nhưng không thành. Chị cũng đã nhờ đến hai bên gia đình đã can thiệp hòa giải nhưng không được. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay. Tuy nhiên, chị vẫn dành tình cảm cho anh B, hơn nữa hai con gái anh chị đang trong độ tuổi trưởng thành cần có sự chăm sóc của cả bố và mẹ để phát triển toàn diện. Vì vậy, chị không đồng ý ly hôn, mong muốn anh B suy nghĩ lại và quay về để cùng chị lo cho 02 con và xây dựng gia đình hạnh phúc.

Tại biên bản xác minh ngày 22/6/2023 tại tổ 4, khu 3, phường HH, thành phố HL, tỉnh QN, chính quyền địa phương cung cấp: trong thời gian sinh sống tại địa phương vợ chồng anh B, chị Nh chung sống hòa thuận, hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Thời gian gần đây anh B và chị Nh có báo cáo với chính quyền địa phương về việc anh B đang đề nghị ly hôn chị Nh tại tòa án, nhưng mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được. Từ đầu năm 2023 anh B không còn sống chung với chị Nh và các con ở tổ 3, khu 4, phường Hồng Hải mà đã đăng ký tạm vắng tại địa phương và chuyển ra ngoài sinh sống,

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Nguyễn Phương A và Nguyễn Mai P, các cháu đều trình bày: nếu bố mẹ ly hôn

nguyện vọng của các cháu là muốn được ở cùng với mẹ vì mẹ cháu có trách nhiệm chăm lo chu đáo cho việc học tập và sinh hoạt của cháu sau này hơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn B nộp bản tự khai bổ sung về tình trạng hôn nhân của vợ chồng và trình bày: đến thời điểm hiện nay sau gần một năm ly hôn và ra khỏi nhà anh thấy mâu thuẫn vợ chồng anh là quá trầm trọng, dù có như thế nào thì cũng không thể quay trở lại. Đến nay anh không còn tình cảm với chị Nh, và tình cảm con người là thứ không thể bắt buộc dù Hội đồng xét xử có không chấp nhận thì anh cũng không quay về với chị Nh. Việc kéo dài tình trạng hôn nhân không hạnh phúc của anh chị như hiện nay không giúp gì cho các con mà còn ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu. Vì vậy anh mong muốn Hội đồng xét xử cho anh được ly hôn để anh cũng như chính những người trong gia đình anh trong đó có các con sớm có cuộc sống bình thường. Về con chung, anh đồng ý giao 2 con chung cho chị Nh nuôi dưỡng theo nguyện vọng của của chị Nh và các con, do hiện nay anh không có công việc ổn định nên chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi con cho chị Nh mỗi cháu là 1.500.000đ/01 tháng, hai cháu là 3.000.000đ/01 tháng đến khi các con thành niên.

Bị đơn chị Lưu Thị Nh trình bày: Tất cả những gì anh B trình bày chỉ là quan điểm và ý nghĩ của anh ấy, còn bản thân chị dù biết anh ngoại tình bên ngoài nhưng nghĩ đến tình nghĩa vợ chồng nhiều năm qua chị vẫn chấp nhận tha thứ cho anh B. Hơn nữa hai con của chị đều đang giai đoạn phát triển rất cần sự quan tâm của bố mẹ, chị mong anh B suy nghĩ lại để không ảnh hưởng đến tâm lý của các con và cho các con có được một gia đình trọn vẹn. Nếu phải ly hôn chị đề nghị được nuôi 2 con. Về cấp dưỡng nuôi con: các con chị đều trong độ tuổi phát triển chị mong muốn anh B cấp dưỡng nuôi con nhiều hơn số tiền anh B đề nghị tuy nhiên nếu không được thì chị cũng đồng ý mức cấp dưỡng 1.500.000đ/1 tháng đối với mỗi cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: mâu thuẫn vợ chồng anh B, chị Nh là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn B: cho anh B được ly hôn chị Lưu Thị Nh; về con chung; giao 02 con chung Nguyễn Phương A, sinh ngày 12/7/2006 và Nguyễn Mai P, sinh ngày 12/9/2009 cho chị Lưu Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung cho chị Lưu Thị Nh là 1.500.000 đ (một triệu năm trăm ngàn đồng)/1 tháng, hai con chung là 3.000.000đ (ba triệu đồng)/1 tháng cho đến khi

con chung thành niên (đủ 18 tuổi), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Nh và đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con khi ly hôn; anh B và chị Nh đều có nơi cư trú tại thành phố Hạ Long, nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn B và chị Lưu Thị Nh kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn B:

Quá trình giải quyết vụ án anh B, chị Nh đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là do anh B có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, như vậy anh B đã vi phạm Điều 19 luật hôn nhân gia đình: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.* Tuy nhiên để giải quyết yêu cầu ly hôn của anh B đối với chị Nh cần căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế của anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án dù đã được tòa án hòa giải nhiều lần, nhưng tại phiên tòa anh B vẫn xác định không còn tình cảm và cương quyết xin ly hôn với chị Nh. Thực tế anh B và chị Nh đã ly thân từ đầu năm 2023, anh B đã dọn ra khỏi nhà không ở cùng chị Nh từ đó. Anh B khẳng định: cho dù Tòa án giải quyết không cho ly hôn thì anh cũng không trở về để chung sống cùng chị Nh. Chị Nh cũng có lời khai xác nhận: từ khi có người phụ nữ bên ngoài anh B không còn quan tâm đến đời sống của chị và các con cả về vật chất lẫn tinh thần.

Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên, bạn bè người thân, hòa giải nhiều lần nhưng anh B vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc chị và các con. Đến nay mỗi người ở một nơi, có cuộc sống riêng của mình, mạnh ai người đấy sống, không ai quan tâm đến ai. Do đó, có căn cứ để nhận định quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị Nh đã lâm vào vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Hội đồng xét xử thấy: trong đời sống hôn nhân, giữa vợ chồng phải thật sự yêu thương, quý trọng và chăm sóc nhau thì mới xây dựng được gia đình hạnh phúc, nếu một bên chồng hoặc vợ không còn tình cảm nữa thì cưỡng ép chung sống với nhau cũng không mang lại kết quả, không đúng với mục đích tốt đẹp của hôn nhân. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn B đối với chị Lưu Thị Nh

2.2 Về con chung:

Quá trình chung sống anh B và chị Nh có 2 con chung là cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 12/7/2006 và Nguyễn Mai P, sinh ngày 12/9/2009. Tại

phiên tòa anh B, chị Nh thỏa thuận thống nhất nếu ly hôn giao 02 con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con: anh B có quan điểm cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000đ/ tháng, hai con là 3.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chị Nh cũng đồng ý. Xét thấy anh B đang thuê nhà bên ngoài, còn chị Nh có nơi ở ổn định, có đủ khả năng nuôi con, hiện tại các cháu vẫn đang ở với mẹ, sự thỏa thuận, thống nhất của anh B, chị Nh cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: anh B và chị Nh đều trình bày anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ nộp án phí hôn ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273; của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn B

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn B ly hôn với chị Lưu Thị Nh.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Phương A, sinh ngày 12/7/2006 và Nguyễn Mai P, sinh ngày 12/9/2009 cho chị Lưu Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung cho chị Lưu Thị Nh là 1.500.000 đ (một triệu năm trăm ngàn đồng)/01 tháng, hai con chung là 3.000.000đ (ba triệu đồng)/01 tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nh có đơn yêu cầu thi hành án mà anh B không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi con, thì anh B còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh B đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001505 ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Anh B còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: anh B, chị Nh có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Hạ Long;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã Đại Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đoàn Thị Thủy